

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

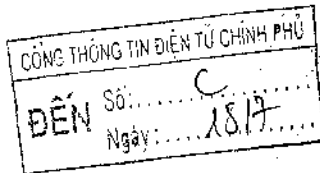
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *17* /2014/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày *11* tháng *7* năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chợ
trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển, quản lý chợ và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 186/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khoá VIII, kỳ họp thứ 3 về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, điều chỉnh một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của liên Sở Tài chính - Công thương tại Tờ trình số 350/TTr-STC-SCT ngày 09/6/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chợ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 15/2012/QĐ-UBND ngày 27/6/2012 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp, Công thương, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Kieu*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - VPCP (B/c)
 - Website Chính phủ;
 - Bộ Tài chính;
 - Cục KTVB – Bộ Tư pháp;
 - TTTU, HĐND tỉnh;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
 - UBMTTQVN tỉnh;
 - Các Ban HĐND tỉnh;
 - Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
 - CPVP;
 - TT Tin học và Công báo tỉnh;
 - Lưu: VT, TH, VX, NC, KTN, KTHH(Mỹ).
- (D:\My\QuyếtđịnhPQ2005\QĐ phí chợ trên địa bàn tỉnh năm 2014.doc)*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Signature]
Lê Phước Thanh

QUY ĐỊNH

Mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chợ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam
(Kèm theo Quyết định số *AA* /2014/QĐ-UBND ngày *AA* / *FF* / 2014
của UBND tỉnh Quảng Nam)

Mục I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chợ đối với tất cả các chợ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam được phân thành chợ đô thị và chợ nông thôn, miền núi, hải đảo như sau:

a) Các chợ đô thị: Là các chợ đóng trên địa bàn các phường thuộc thành phố Tam Kỳ, Hội An và thị trấn thuộc các huyện: Điện Bàn, Duy Xuyên, Đại Lộc, Thăng Bình, Quế Sơn và Núi Thành.

b) Các chợ nông thôn, miền núi, hải đảo: Là các chợ đóng trên địa bàn các xã, thị trấn còn lại.

2. Phí chợ là khoản thu về sử dụng diện tích bán hàng đối với những người buôn bán trong chợ và được sử dụng để bù đắp chi phí đầu tư xây dựng chợ, sửa chữa, nâng cấp chợ; phục vụ cho công tác quản lý chợ; đảm bảo công tác giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, đảm bảo công tác phòng cháy, chữa cháy tại các chợ trên địa bàn tỉnh, đáp ứng nhu cầu mua sắm của người dân.

Phí chợ không bao gồm các khoản thu về phí vệ sinh, phí trông giữ phương tiện, hàng hóa, tiền điện, tiền nước.

Đối với các chợ thực hiện thu tiền thuê, sử dụng địa điểm kinh doanh tại chợ theo hợp đồng sử dụng, thuê địa điểm kinh doanh thì phí chợ là tiền thuê, sử dụng địa điểm kinh doanh tại chợ (người kinh doanh tại chợ chỉ phải nộp một trong hai khoản: phí chợ hoặc tiền thuê sử dụng địa điểm kinh doanh).

Điều 2. Phạm vi áp dụng

1. Mức thu phí chợ quy định tại Quyết định này được áp dụng đối với chợ do Nhà nước đầu tư xây dựng và chợ được Nhà nước hỗ trợ một phần vốn đầu tư xây dựng.

2. Đối với chợ được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn không từ ngân sách Nhà nước hoặc đầu tư từ các nguồn viện trợ không hoàn lại, có thể áp dụng mức thu phí chợ cao hơn, nhưng tối đa không quá hai lần mức thu quy định tại Quyết định này tương ứng với từng hạng chợ.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng nộp phí chợ: Những tổ chức, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động kinh doanh, dịch vụ thường xuyên có cửa hàng, cửa hiệu, quầy hàng, ki ốt ở chợ và không thường xuyên tại chợ.

2. Đơn vị thu phí chợ:

- a) Ban Quản lý chợ, Tổ quản lý chợ.
- b) Doanh nghiệp, Hợp tác xã (HTX) đầu tư, kinh doanh khai thác và quản lý chợ (gọi tắt là doanh nghiệp quản lý chợ).

Điều 4. Phân hạng chợ và phân loại các vị trí, ngành hàng kinh doanh trong chợ để thu phí chợ

1. Phân hạng chợ: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển, quản lý chợ và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ và các quy định hiện hành của UBND tỉnh.

2. Các ngành hàng kinh doanh trong chợ, gồm 04 nhóm sau:

a) Nhóm 1: Kinh doanh hàng kim khí điện máy, vàng bạc đá quý, máy móc thiết bị.

b) Nhóm 2: Kinh doanh vải, quần áo, giày dép, hàng công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp, vàng thấp tuổi, mỹ phẩm.

c) Nhóm 3: Kinh doanh hàng rau, củ, quả, thực phẩm tươi sống, thịt gia súc, gia cầm, lương thực, thực phẩm, bánh kẹo, hàng khô, nem chả.

d) Nhóm 4: Kinh doanh ăn uống, nước giải khát, đồ cúng, hàng mã, hàng chiếu, nón lá, kinh doanh các hàng hóa và dịch vụ khác.

3. Các vị trí kinh doanh trong chợ và hệ số vị trí kinh doanh:

a) Tùy thuộc vào từng địa điểm, vị trí kinh doanh thuận lợi và lợi thế thương mại của điểm kinh doanh bán hàng mà các vị trí kinh doanh trong chợ được phân theo các vị trí khác nhau từ thuận lợi đến không thuận lợi cho việc kinh doanh buôn bán tại chợ. Việc xác định các vị trí kinh doanh trong chợ do đơn vị thu phí chợ có trách nhiệm đề xuất và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo phân cấp quản lý chợ, sau khi khảo sát ý kiến của đa số các hộ kinh doanh tại chợ.

b) Hệ số k: Là hệ số vị trí kinh doanh được sử dụng để tính mức thu phí chợ đối với từng vị trí kinh doanh của cửa hàng, cửa hiệu buôn bán cố định, thường xuyên tại chợ.

- Vị trí kinh doanh thuận lợi nhất, hệ số $k = 1$.

- Vị trí kinh doanh thuận lợi thứ hai, hệ số $k = 0,8$.

- Vị trí kinh doanh thuận lợi thứ ba, hệ số $k = 0,7$.

- Các vị trí còn lại, hệ số $k = 0,6$.

c) Hệ số m: Là hệ số vị trí kinh doanh theo tầng đối với các chợ được xây dựng nhiều tầng.

- Tầng trệt, hệ số $m = 1$.

- Tầng 1, hệ số $m = 0,8$.
- Tầng 2, hệ số $m = 0,6$.

Mục II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Mức thu phí chợ

1. Mức thu phí chợ đối với vị trí kinh doanh thuận lợi nhất (hệ số $k = 1$)

T T	Loại chợ và ngành, hàng kinh doanh	Đơn vị tính	Mức thu		
			Chợ hạng 1	Chợ hạng 2	Chợ hạng 3
A	ĐỐI VỚI CÁC CHỢ ĐÔ THỊ				
I	Đối với cửa hàng, cửa hiệu buôn bán cố định, thường xuyên tại chợ				
1	Nhóm kinh doanh hàng kim khí điện máy, vàng bạc đá quý, máy móc thiết bị	đ/m ² /tháng	100.000	50.000	25.000
2	Nhóm kinh doanh vải, quần áo, giày dép; hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; vàng thấp tuổi; mỹ phẩm	đ/m ² /tháng	80.000	40.000	20.000
3	Nhóm kinh doanh hàng rau, củ, quả; thực phẩm tươi sống, thịt gia súc, gia cầm; lương thực, thực phẩm, bánh kẹo, hàng khô; nem chả	đ/m ² /tháng	65.000	35.000	20.000
4	Nhóm kinh doanh ăn uống, nước giải khát; đồ cúng, hàng mã; hàng chiếu, nón lá; kinh doanh các hàng hóa và dịch vụ khác.	đ/m ² /tháng	60.000	30.000	15.000
II	Đối với người buôn bán không thường xuyên, không cố định tại chợ	đồng/người/ngày	5.000	3.000	2.000
B	ĐỐI VỚI CÁC CHỢ NÔNG THÔN, MIỀN NÚI, HẢI ĐẢO				
I	Đối với cửa hàng, cửa hiệu buôn bán cố định, thường xuyên tại chợ				
1	Nhóm kinh doanh hàng kim khí điện máy, vàng bạc đá quý, máy móc thiết bị	đ/m ² /tháng		40.000	25.000
2	Nhóm kinh doanh vải, quần áo, giày dép; hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; vàng thấp tuổi; mỹ phẩm	đ/m ² /tháng		35.000	20.000

3	Nhóm kinh doanh hàng rau, củ, quả; thực phẩm tươi sống, thịt gia súc, gia cầm; lương thực, thực phẩm, bánh kẹo, hàng khô; nem chả	đ/m ² /tháng		30.000	15.000
4	Nhóm kinh doanh ăn uống, nước giải khát; đồ cúng, hàng mã; hàng chiếu, nón lá; kinh doanh các hàng hóa và dịch vụ khác.	đ/m ² /tháng		25.000	10.000
II	Đối với người buôn bán không thường xuyên, không cố định tại chợ	đồng/người/ngày		2.000	1.000

2. Phí chợ được tính như sau:

a) Đối với các chợ có 01 tầng

$$\text{Phí chợ (đ/m}^2\text{/tháng)} = \text{Mức thu phí (quy định tại khoản 1, Điều 5)} \times \text{Hệ số k (quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 4)}$$

b) Đối với các chợ có nhiều tầng

$$\text{Phí chợ (đ/m}^2\text{/tháng)} = \text{Mức thu phí (quy định tại khoản 1, Điều 5)} \times \text{Hệ số k (quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 4)} \times \text{Hệ số m (quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 4)}$$

3. Đối với các chợ chỉ tập trung buôn bán một buổi/ một ngày, thì mức thu bằng 50% mức thu quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 5.

Điều 6. Tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chợ

1. Đối với chợ do Nhà nước đầu tư xây dựng hoặc chợ được Nhà nước hỗ trợ một phần vốn đầu tư xây dựng.

a) Đối với chợ do Nhà nước đầu tư xây dựng hoặc chợ được Nhà nước hỗ trợ một phần vốn đầu tư xây dựng thì phí chợ là phí thuộc ngân sách Nhà nước.

b) Trách nhiệm của đơn vị thu phí chợ:

- Tổ chức thu, nộp phí theo đúng quy định tại Quyết định này; niêm yết hoặc thông báo công khai mức thu phí tại các điểm thu phí; khi thu phí phải lập và cấp biên lai thu cho đối tượng nộp phí theo đúng quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.

- Mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi thu để theo dõi, quản lý tiền phí thu được; hằng tháng trích nộp tiền phí vào ngân sách Nhà nước theo quy định và mở sổ sách kế toán để theo dõi, phản ánh việc thu, nộp và quản lý, sử dụng số tiền phí thu được theo chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước.

- Đăng ký, kê khai, thu, nộp phí với cơ quan Thuế trực tiếp quản lý theo đúng quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

- Hằng năm, đơn vị thu phí chợ phải lập dự toán thu - chi số tiền phí được để lại gửi cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan Tài chính, cơ quan Thuế cùng cấp; đồng thời phải quyết toán việc thu, nộp, quản lý và sử dụng số phí thu được theo quy định, nếu số phí được để lại chưa chi hết trong năm thì được chuyển sang năm sau tiếp tục chi theo chế độ quy định.

- Việc quyết toán phí chợ cùng thời gian với thời gian quyết toán ngân sách Nhà nước hằng năm. Hằng năm, đơn vị thu phí thực hiện quyết toán việc sử dụng biên lai thu phí, số tiền phí thu được, số tiền phí để lại cho đơn vị, số tiền phí phải nộp ngân sách, số tiền phí đã nộp và số tiền phí còn phải nộp ngân sách Nhà nước với cơ quan Thuế trực tiếp quản lý; quyết toán việc sử dụng số tiền được trích để lại với cơ quan Tài chính cùng cấp theo đúng quy định.

- Thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

c) Quản lý, sử dụng phí chợ: Đơn vị thu phí chợ được trích để lại 80% trên tổng số tiền phí thu được để chi phí cho công tác quản lý chợ, đảm bảo công tác giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, đảm bảo công tác phòng cháy, chữa cháy tại chợ; sửa chữa, đầu tư nâng cấp chợ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt với nội dung chi cụ thể sau:

- Chi trả các khoản tiền lương hoặc tiền công, các khoản phụ cấp, các khoản chi bồi dưỡng, làm thêm giờ, ngoài giờ, các khoản đóng góp theo tiền lương, tiền công cho người lao động.

- Chi trang bị bảo hộ lao động cho người lao động theo chế độ quy định (nếu có).

- Chi phí vật tư văn phòng, tiền điện thoại, điện, nước, công tác phí, công vụ phí, in (mua) tờ khai, các loại ấn chỉ khác theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành.

- Chi mua sắm vật tư, nguyên liệu, thiết bị, công cụ làm việc và các khoản chi khác hợp lý.

- Chi cho công tác vệ sinh môi trường, đảm bảo công tác phòng cháy, chữa cháy, an toàn thực phẩm.

- Chi sửa chữa, đầu tư nâng cấp chợ.

- Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho cán bộ, nhân viên trực tiếp thu phí.

Riêng, đối với cơ quan thu phí là đơn vị sự nghiệp có thu theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ, thì nội dung chi cụ thể thực hiện theo phương án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

d) Số tiền còn lại 20% (sau khi trừ phần để lại), đơn vị thu phí có trách nhiệm nộp vào ngân sách Nhà nước theo mục 2250, tiểu mục 2252 mục lục ngân sách Nhà nước hiện hành (cơ quan thu phí thuộc cấp nào quản lý thì nộp vào ngân sách cấp đó).

đ) Trường hợp, thực hiện thu tiền thuê, sử dụng địa điểm kinh doanh tại chợ: Tùy thuộc vào quy mô vốn đầu tư, hạng chợ, tính chất hoạt động của từng chợ, diện tích, địa điểm kinh doanh và vị trí của điểm kinh doanh, đơn vị thu phí căn cứ mức thu phí chợ quy định tại Điều 5 của Quyết định này xây

dùng mức thu tiền thuê, sử dụng địa điểm kinh doanh đảm bảo không thấp hơn quy định trình UBND huyện, thành phố phê duyệt để làm cơ sở cùng với người kinh doanh tại chợ thỏa thuận mức thu tiền thuê, sử dụng địa điểm kinh doanh thông qua hình thức đấu thầu; đối với tiền thuê lớn hơn mức thu phí chợ thì khoản thu chênh lệch cao hơn mức thu phí chợ quy định tại Điều 5 của Quyết định này là thu khác của ngân sách địa phương và được quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Đối với chợ không do Nhà nước đầu tư: Phí chợ không thuộc nguồn thu của ngân sách Nhà nước. Việc quản lý số phí thu được thực hiện theo nguyên tắc hạch toán, tự chủ tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả thu phí; tiền phí được xác định là doanh thu của đơn vị thu phí, đơn vị thu phí có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của Luật Thuế hiện hành và có trách nhiệm giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, đảm bảo công tác phòng cháy, chữa cháy tại chợ.

Hàng năm, đơn vị thu phí phải thực hiện quyết toán thuế đối với số tiền phí thu được cùng với kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh khác (nếu có) với cơ quan Thuế theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành.

MỤC III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của đối tượng nộp phí và các đơn vị thu phí

1. Trách nhiệm của đối tượng nộp phí:

a) Đối tượng nộp phí có quyền khiếu nại đơn vị thu phí chợ về việc thu phí không đúng quy định. Đơn khiếu nại, gửi trực tiếp cho đơn vị thu phí chợ xem xét, giải quyết, trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại, người khiếu nại vẫn phải nộp phí theo mức quy định. Đơn vị thu phí chợ, nhận đơn phải giải quyết và trả lời bằng văn bản theo đúng quy định của pháp luật; trường hợp, hai bên không tự giải quyết được, thì báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp cấp trên để giải quyết.

b) Trường hợp, vi phạm sẽ bị xử lý theo Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn và Thông tư số 186/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý phí, lệ phí.

2. Trách nhiệm của các đơn vị thu phí: Căn cứ các quy định tại quyết định này, chịu trách nhiệm thực hiện thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chợ theo đúng quy định.

Điều 8. Trách nhiệm của các Sở, ngành

1. Sở Tài chính: Có trách nhiệm kiểm tra, giám sát các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện Quyết định này. Trường hợp, các địa phương có văn bản đề nghị điều chỉnh mức thu phí, thì phối hợp với Sở Công thương tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh khung mức thu phí chợ trên địa bàn tỉnh phù hợp với tình hình thực tế.

2. Sở Công Thương:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra đề nghị của các địa phương để tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh khung mức thu phí chợ trên địa bàn tỉnh phù hợp với thực tế.

b) Hằng năm, phối hợp với các địa phương rà soát, đánh giá, điều chỉnh phân hạng chợ; công bố danh sách chợ, hạng chợ trên địa bàn tỉnh để các địa phương, đơn vị làm cơ sở thực hiện, giám sát việc thu phí chợ.

3. Cục Thuế: Có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn các loại chứng từ thu phí chợ và chỉ đạo Chi cục Thuế các huyện, thành phố hướng dẫn, phổ biến mức thu phí chợ, chế độ quản lý, sử dụng hoá đơn, chứng từ có liên quan đến việc thu phí theo Quy định này cho đơn vị thu phí chợ biết, thực hiện. Đồng thời, phối hợp với các cơ quan có liên quan kịp thời giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

Điều 9. Trách nhiệm của UBND các huyện, thành phố

1. Định kỳ hằng năm, thực hiện việc khảo sát, thẩm định và đề xuất phân hạng chợ đối với các chợ trên địa bàn quản lý đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển, quản lý chợ và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ.

2. Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát các đơn vị triển khai thực hiện các quy định tại Quyết định này; kiểm tra kế hoạch thu, chi phí chợ của các đơn vị quản lý chợ trước khi tổ chức thực hiện.

Trường hợp, cần thiết phải điều chỉnh mức thu phí chợ, điều chỉnh quy định về quản lý và sử dụng phí chợ thì UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm tổng hợp báo cáo bằng văn bản gửi Sở Tài chính, Sở Công thương kiểm tra, đề xuất trình UBND tỉnh xem xét, quyết định. Thời gian đề xuất giải quyết ít nhất một tháng trước thời hạn dự kiến thay đổi mức thu phí chợ mới và thời gian giữa hai lần thay đổi mức thu phí chợ ít nhất là 6 (sáu) tháng.//qk

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

